

# NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU, NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC

(2 tiết)

PHẠM VĂN ĐỒNG

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Nắm được nội dung sâu sắc và mới mẻ mà tác giả đặt ra trong bài viết : Nguyễn Đình Chiểu, một nhân cách trong sáng, một nhà thơ lớn của dân tộc cần phải được đánh giá đúng hơn, đầy đủ hơn.

– Thấy được vẻ đẹp hình thức của bài nghị luận : cách nêu vấn đề độc đáo, giọng văn hùng hồn, lối diễn đạt giàu màu sắc biểu cảm, v.v.

– Củng cố, rèn luyện kĩ năng phân tích một bài văn nghị luận.

## II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

### 1. Về nội dung

a) Hoàn cảnh ra đời của bài viết

Ngay câu mở đầu bài viết, Phạm Văn Đồng đã nhấn mạnh "Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là trong lúc này". "Lúc này" là lúc nào ? Thời điểm ấy rất có ý nghĩa đối với việc tìm hiểu bài viết. Trong phần *Tiểu dẫn*, chúng tôi cũng đã nêu khá rõ thời điểm tác giả viết bài này : "nhân kỉ niệm ngày mất của nhà thơ Đồ Chiểu (3 - 7 - 1888)", đăng trên *Tạp chí Văn học* tháng 7 - 1963. Tuy vậy, GV cần tìm hiểu thêm thời điểm năm 1963 dân tộc ta, đất nước ta đang có những sự kiện gì trọng đại, nhất là ở Nam Bộ, ở Bến Tre, nơi nhà thơ đã từng sống. Có thể nêu lên một vài tư liệu :

– Từ năm 1954 đến 1959 chính quyền Ngô Đình Diệm nắm chắc bộ máy cảnh sát và quân đội, triển khai quốc sách "tố cộng", truy nã những người kháng chiến cũ, bức hại gia đình những người này, lê máy chém khắp miền Nam

thực thi luật 10 - 59, bắt bớ tù đầy và gây ra nhiều vụ tàn sát đẫm máu. Từ năm 1960, Mĩ quyết định tài trợ, can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến ở miền Nam.

– Trước tình hình đó hàng loạt phong trào đấu tranh chống Mĩ của nhân dân miền Nam nổi lên, tiêu biểu là phong trào Đông khởi ở Bến Tre, các cuộc bãi công của công nhân như Xí nghiệp pin Con ó, xưởng dệt Vinatexco, hãng thêu RMK-BRJ,... phong trào đấu tranh xuống đường của học sinh, sinh viên.

Hoàn cảnh lịch sử trên cho ta hiểu tại sao Phạm Văn Đồng nhấn mạnh thời điểm khi ông viết bài ca ngợi Nguyễn Đình Chiểu.

#### b) Cần chú ý tới đặc trưng của văn nghị luận

Lâu nay, trong chương trình, văn nghị luận ít được chú ý, nhất là giảng văn, đọc - hiểu tác phẩm văn nghị luận. Số tác phẩm nghị luận hiện đại được đưa vào giảng văn rất ít so với văn hình tượng (truyện ngắn, tiểu thuyết, bút kí, thơ, v.v.). Việc giảng văn một số tác phẩm nghị luận (trung đại và hiện đại) cũng còn phiến diện. Khi giảng những tác phẩm như *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi), *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh),... phần lớn GV thường chỉ chú ý đến nội dung, hướng dẫn HS khai thác tư tưởng yêu nước, căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng, niềm tự hào dân tộc, v.v. Việc khai thác những nội dung sâu sắc trong các tác phẩm ấy là hoàn toàn đúng, tuy vậy cần thấy đó còn là những áng văn chính luận mẫu mực. Tức là cần phân tích vẻ đẹp nghệ thuật của những áng văn chính luận đó. Nói đúng hơn là phải xuất phát từ đặc trưng văn nghị luận, từ các hình thức nghệ thuật của loại văn này để chỉ ra vẻ đẹp của nội dung tư tưởng. Cũng có nghĩa là thấy được sự gắn bó giữa nội dung và hình thức của văn bản – tác phẩm.

Bài *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* là một bài văn nghị luận tiêu biểu, sâu sắc của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, vì thế khi hướng dẫn HS đọc - hiểu, GV cần chú ý đến đặc trưng của văn nghị luận.

Nói một cách khái quát, văn nghị luận là một thể loại nhằm phát biểu tư tưởng, tình cảm, thái độ, quan điểm của người viết một cách trực tiếp về văn học hoặc chính trị, đạo đức, lối sống,... nhưng lại được trình bày bằng một thứ ngôn ngữ trong sáng, hùng hồn, với những lập luận chặt chẽ, mạch lạc, giàu sức thuyết phục, v.v. Tuy nhiên, nhiều khi nói đến văn học, người ta thường chỉ nghĩ đến những sáng tác bằng tưởng tượng, hư cấu như thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, kí,

v.v. mà ít nghĩ đến văn nghị luận. Quan niệm như thế tất nhiên là phiến diện, chưa đầy đủ. Nếu văn học là "loại hình nghệ thuật sáng tạo bằng ngôn từ"<sup>(1)</sup> thì văn nghị luận đương nhiên phải được coi là văn học. Từ điển *Bách khoa toàn thư* của Mĩ cũng định nghĩa : "Văn học là những sản phẩm viết của xã hội bằng văn xuôi hoặc thơ. Theo nghĩa rộng, văn học bao gồm tất cả các kiểu viết theo lối hư cấu (fiction) hoặc không hư cấu (non-fiction) nhằm mục đích xuất bản"<sup>(2)</sup>. Cũng theo phân loại của từ điển này, văn nghị luận (essay / literature criticism) được xếp vào dạng thức không hư cấu (forms of nonfiction). Hư cấu là một hoạt động cơ bản của tư duy hình tượng. Đó là lối tư duy dựa vào trí tưởng tượng để sáng tạo ra, "bịa ra" (như M. Goóc-ki nói) những nhân vật, câu chuyện, tình tiết,... trong các tác phẩm nghệ thuật. Văn nghị luận không dùng hư cấu, không dựa vào trí tưởng tượng mà dựa vào tư duy lô gích nhằm trình bày tư tưởng, quan điểm nào đó của người viết. Khác với văn hình tượng, văn nghị luận trình bày tư tưởng và thuyết phục người đọc chủ yếu bằng lí lẽ và lập luận. Nếu như văn hư cấu nhằm kích thích trí tưởng tượng, xây dựng óc quan sát tinh tế với tình cảm chân thực, những khám phá hồn nhiên về thiên nhiên, về đời sống gia đình, xã hội, v.v. thì văn nghị luận nhằm hình thành và phát triển khả năng lập luận chặt chẽ, trình bày những lí lẽ và dẫn chứng một cách sáng sủa, giàu sức thuyết phục, diễn tả những suy nghĩ và nêu ý kiến riêng của mình về một vấn đề nào đó trong cuộc sống hoặc trong văn học, nghệ thuật.

Để bài văn có sức thuyết phục cao, người viết phải đưa ra những lí lẽ, những lập luận và các bằng chứng tiêu biểu, xác đáng. Lí lẽ và lập luận giúp người đọc hiểu, còn bằng chứng làm người đọc tin vào vấn đề người viết nêu ra. Một khi đã hiểu và tin, tức là đã bị thuyết phục.

Lí lẽ và lập luận trong bài văn nghị luận muốn chặt chẽ, phải xuất phát từ một chân lí hiển nhiên hoặc một ý kiến đã được nhiều người thừa nhận. Những ý kiến ấy thường là của những cá nhân có uy tín (các lãnh tụ, các nhà văn, nhà khoa học, nhà văn hoá lớn, v.v.). Lí lẽ của bài văn nghị luận thể hiện ở hệ thống các luận điểm của bài viết, còn lập luận là cách thức trình bày lí lẽ, cách dẫn dắt và cách nêu vấn đề của người viết.

---

(1) Lê Bá Hán – Trần Đình Sử – Nguyễn Khắc Phi (đồng Chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, 1992 (tái bản nhiều lần).

(2) *Encarta Encyclopedia 2000 – Literature*.

## 2. Về phương pháp

Với thời lượng 2 tiết, văn bản cũng đã được rút ngắn, GV có thể cho HS đọc cả bài văn để cảm nhận được ngôn ngữ, giọng điệu của văn nghị luận. Phần đọc, tìm hiểu tác giả, hoàn cảnh ra đời, chú thích và đặc trưng văn nghị luận trong vòng 30 phút của tiết 1, phần còn lại hướng dẫn HS tìm hiểu về đẹp của bài văn.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

#### 1. Phần mở đầu

GV có thể mở đầu bài giảng bằng nhiều cách khác nhau : giới thiệu tác giả Phạm Văn Đồng, giới thiệu về văn nghị luận, hoặc về sự nghiệp và con người Nguyễn Đình Chiểu, v.v. Cần lưu ý HS đây là một *áng văn nghị luận* của một *nhà chính trị – nhà văn hoá lớn về một nhà thơ nổi tiếng*, một trong chín tác gia được học trong chương trình.

#### 2. Phần nội dung chính

##### a) Đọc và tìm hiểu tác giả, tác phẩm

GV cho HS đọc phần *Tiểu dẫn* trong SGK, từ đó rút ra những điểm đáng lưu ý về Phạm Văn Đồng và về bài viết.

Cho HS đọc tiếp cả bài văn, chú ý hướng dẫn HS đọc đúng, diễn cảm để thể hiện đúng ngôn ngữ và giọng điệu của văn nghị luận. Cho HS nhận xét về cách đọc của các bạn, GV nhận xét và chỉnh sửa những chỗ đọc chưa tốt và có thể đọc mẫu một đoạn.

b) Tổ chức cho HS tìm hiểu bài viết bằng việc khai thác, trả lời các câu hỏi trong SGK

##### *Câu hỏi 1*

– Trong phần mở bài, luận điểm trung tâm của bài văn : Nguyễn Đình Chiểu, nhà thơ lớn của dân tộc cần phải được nghiên cứu, tìm hiểu và đề cao hơn nữa. Câu văn khái quát được luận điểm này : "Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là trong lúc này".

– Thân bài bao gồm các luận điểm bộ phận sau đây :

*Luận điểm 1* : Giới thiệu nét đặc sắc về cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu, có thể đặt tên cho luận điểm này là : Nguyễn Đình Chiểu – nhà thơ yêu nước.

*Luận điểm 2* : Giới thiệu nét đặc sắc của thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu. Có thể đặt tên luận điểm này là : Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu – tấm gương phản chiếu phong trào chống thực dân Pháp oanh liệt và bền bỉ của nhân dân Nam Bộ.

*Luận điểm 3* : Giới thiệu về giá trị của tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên*. Có thể đặt tên luận điểm này là : *Truyện Lục Vân Tiên*, tác phẩm lớn nhất của Nguyễn Đình Chiểu, có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong dân gian, nhất là ở miền Nam.

– Ý chính của phần kết bài : "Đời sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng, nêu cao địa vị và tác dụng của văn học, nghệ thuật, nêu cao sứ mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá và tư tưởng".

**Câu hỏi 2.** Tìm hiểu và trả lời hai ý :

a) Theo tác giả, có hai lí do khiến ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu chưa sáng tỏ hơn trong bầu trời văn nghệ của dân tộc :

– Chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của *Truyện Lục Vân Tiên*, và hiểu *Truyện Lục Vân Tiên* khá thiên lệch.

– Còn rất ít biết về thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu.

b) Tìm hiểu thời điểm lịch sử và ý nghĩa của thời điểm ấy. GV tham khảo nội dung đã nêu ở mục 1.a) trong phần *Những điểm cần lưu ý* của bài này.

**Câu hỏi 3.** Điều đáng trân trọng, kính phục trong cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là tấm gương chói sáng về tinh thần yêu nước cháy bỏng và lòng căm thù giặc sâu sắc. Quan điểm thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu đáng trân trọng ở chỗ ông luôn dùng thơ văn làm vũ khí chiến đấu chống bọn xâm lược, ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý trọng ở đời.

Điều này đã được tác giả bài viết làm sáng tỏ bằng cách nêu lên ba luận điểm chính nhằm giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp thơ văn cao đẹp của Nguyễn Đình Chiểu (GV xem ba luận điểm đã nêu ở Câu hỏi 1).

Hai câu văn trong bài khái quát được nhận xét trên. Có rất nhiều câu văn có thể khái quát được đặc sắc về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. GV yêu cầu HS tìm và nêu lên. Có thể chấp nhận nhiều phương án trả lời khác nhau, miễn là đáp ứng đúng yêu cầu của câu hỏi. Ví dụ hai câu sau :

Câu 1 : *Cuộc đời và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là của một chiến sĩ hi sinh phấn đấu vì một nghĩa lớn.*

Câu 2 : *Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn chiến đấu, đánh thẳng vào giặc ngoại xâm và tội tớ của chúng.*

**Câu hỏi 4.** Tác giả đánh giá rất cao ý nghĩa của bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* qua đoạn văn : "Chúng ta hãy đọc lại nhiều đoạn trong bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* : [...] Bài ca của Nguyễn Đình Chiểu làm chúng ta nhớ bài *Đại cáo bình Ngô* của Nguyễn Trãi. Hai bài văn : hai cảnh ngộ, hai thời buổi, nhưng một dân tộc. Bài cáo của Nguyễn Trãi là khúc ca khái hoàn, ca ngợi những chiến công oanh liệt chưa từng thấy, biểu dương chiến thắng làm rạng rỡ nước nhà. Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là khúc ca những người anh hùng thất thế, nhưng vẫn hiên ngang : "Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc [...] muôn kiếp nguyện được trả thù kia...".

Tác giả đã bác bỏ một số ý kiến hiểu chưa đúng về tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên* bằng cách phân tích và chỉ ra cái hay, cái đẹp của tác phẩm này về cả nội dung và hình thức văn chương.

**Câu hỏi 5.** Màu sắc biểu cảm của bài nghị luận này thể hiện ở chỗ trong nhiều đoạn văn tác giả trực tiếp thể hiện cảm hứng ngợi ca đối với Nguyễn Đình Chiểu. Ông dùng rất nhiều từ ngữ và hình ảnh, những cách diễn đạt độc đáo, sâu sắc để ca ngợi nhà thơ mù đất Đồng Nai. Chẳng hạn đoạn văn sau : "Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy".

Hoặc : "Ngòi bút, nghĩa là tâm hồn trung nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu đã diễn tả, thật là sinh động và náo nùng, cảm tình của dân tộc đối với người chiến sĩ của nghĩa quân, vốn là người nông dân, xưa kia chỉ quen cày cuốc, bồng chốc trở thành người anh hùng cứu nước".

Hoặc : "Nhân kỉ niệm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu (ngày 3 tháng 7 năm 1888), trong lòng chúng ta, chúng ta hãy đốt một nén hương để tưởng nhớ người con quang vinh của dân tộc !".

**Câu hỏi 6.** Giá trị cơ bản của bài văn nghị luận này là gì ? Đây là câu hỏi khái quát sau khi đã trả lời các câu hỏi nêu trên. GV yêu cầu HS tự rút ra kết luận. Câu chữ có thể khác nhau nhưng nhìn chung cần khẳng định giá trị bài văn không chỉ ở nội dung sâu sắc, xúc động mà còn ở nghệ thuật chính luận với bố cục chặt chẽ, luận điểm và cách lập luận sáng sủa, có sức thuyết phục cao.

### 3. Phần củng cố

GV tổng kết bài theo *Mục tiêu cần đạt*.

#### IV – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

Để làm được bài tập nâng cao về phong cách nghị luận của Phạm Văn Đồng, GV hướng dẫn HS tìm hiểu một số nội dung sau :

– Đây là bài văn nghị luận có phong cách chính luận.

– Thế nào là *phong cách chính luận* ? Phong cách chính luận có những đặc điểm nào ? Những nội dung này HS đã được học ở phần tiếng Việt (*Phong cách ngôn ngữ chính luận*) lớp 11 ; GV cần yêu cầu HS liên hệ với bài học tiếng Việt để tìm hiểu theo tinh thần tích hợp. Ở đây chỉ xin nêu một số điểm chính :

Phong cách chính luận thể hiện trên cả hai phương diện : nội dung và hình thức.

+ Về nội dung : Bài văn chính luận thường nêu lên và bàn luận về một vấn đề chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội. Đó là những vấn đề quan trọng có tính thời sự cao.

+ Về hình thức : Văn chính luận là sản phẩm của tư duy lô gích, thiên về lí trí, vì thế hình thức của nó thể hiện rõ ở hệ thống luận điểm, luận cứ và cách lập luận. Ngôn ngữ văn chính luận cần rõ ràng, trong sáng, chặt chẽ, giàu sức thuyết phục thông qua hệ thống từ ngữ, câu văn, v.v. Văn chính luận thiên về lí trí nhưng cũng có tính biểu cảm, vì thế ngôn ngữ cũng cần mang màu sắc biểu cảm.

– Căn cứ vào những gợi ý vừa nêu, GV bổ sung và hướng dẫn HS vận dụng phân tích bài văn để thấy được những nét chính trong phong cách chính luận của Phạm Văn Đồng. Nét riêng của phong cách chính luận ở bài văn này là cách nêu vấn đề độc đáo, mới mẻ, sâu sắc, lập luận chặt chẽ ; ngôn ngữ hùng hồn, giàu màu sắc biểu cảm.

#### V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– *Nguyễn Trãi, người anh hùng dân tộc*, trong sách *Nguyễn Trãi – Về tác gia và tác phẩm*, Nguyễn Hữu Sơn tuyển chọn và giới thiệu, NXB Giáo dục, 2007.

– *Hồ Chí Minh, hình ảnh của dân tộc*, trong sách *Nghiên cứu học tập thơ văn Hồ Chí Minh*, NXB Khoa học xã hội, H., 1979.